

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2025/DS-PT
Ngày: 14 - 7 - 2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Quang Định

Các Thẩm phán:

- Ông Trần Bá Nguyên
- Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Khánh Nhi là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 5 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 105/2025/DS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Gia Lai) có kháng cáo và bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 100/2025/QĐXXPT-DS ngày 09 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Bích H, sinh năm 1975. Trú tại: Tổ C, khu phố F, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là Tổ C, khu phố F, phường Q, tỉnh Gia Lai) (Có mặt).

- Bị đơn:

- Bà Nguyễn Thị Khánh T, sinh năm 1977 (Có mặt).
- Ông Nguyễn D, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Đồng trú tại: Số D T, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là số D T, phường Q, tỉnh Gia Lai).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Cao Văn H1, sinh năm 1968. Trú tại: Tổ C, khu phố F, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là Tổ C, khu phố F, phường Q, tỉnh Gia Lai) (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Khánh T, ông Nguyễn D là bị đơn trong vụ án.

- *Viện Kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Gia Lai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Bích H trình bày:

Bà Lê Thị Bích H và bà Nguyễn Thị Khánh T có sự quen biết với nhau, ngày 29/12/2020 bà H cho bà T vay số tiền 500.000.000 đồng, khi vay có lập hợp đồng vay được công chứng tại phòng C (Bên A cam kết số tiền cho vay là tài sản riêng của bên A là bà H, việc giao nhận tiền được thực hiện tại phòng công chứng), thời hạn vay 01 năm tính từ ngày công chứng, mục đích vay để kinh doanh, lãi suất do hai bên thỏa thuận miệng 3.500.000 đồng/tháng, phương thức thanh toán trả 01 lần tiền vay và lãi khi hết thời hạn vay. Sau khi vay, bà T trả lãi cho bà H đến ngày 26/4/2023 thì không trả nữa, tiền gốc chưa trả. Ngoài ra, từ đầu năm 2022 bà T vay của bà H nhiều lần, không có viết giấy vay tiền, thỏa thuận lãi suất 5.000.000 đồng/tháng, tính đến cuối tháng 4/2023 bà T còn nợ bà H 148.000.000 đồng tiền gốc. Sau đó bà T trả cho bà H 02 tháng tiền lãi là 10.000.000 đồng rồi không trả nữa, đến tháng 01/2024 bà T trả cho bà H 8.000.000 đồng tiền lãi (tương đương 1,5 tháng tiền lãi) rồi không trả lãi nữa. Như vậy tiền lãi tính từ tháng 5/2023, trừ đi tiền lãi đã trả là 3.500.000 đồng/tháng là đến 15/8/2023.

Do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn giải quyết buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Khánh T và ông Nguyễn D trả cho bà H hai khoản tiền gốc, tổng cộng là 648.000.000 đồng. Tiền lãi: Đối với khoản tiền vay gốc 500.000.000 đồng thì tính từ tháng 5/2023; đối với khoản vay gốc 148.000.000 đồng thì tính từ ngày 15/8/2023 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ kiện, mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/02/2025 bà H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với các khoản vay từ đầu năm 2022 đến cuối tháng 4/2023, tổng cộng 148.000.000 đồng và tiền lãi của khoản này.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị Khánh T, ông Nguyễn D:*

Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập hợp lệ để bà T, ông D đến Tòa án khai báo, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T, ông D không đến Tòa làm việc.

Tại phiên toà sơ thẩm bà T có mặt, còn ông D vắng mặt lần thứ hai không có lý do, bà T khai: Thống nhất có vay của bà Hằng số tiền 500.000.000 đồng, có lập hợp đồng công chứng tại phòng công chứng Trần Minh T1, thời hạn vay 01 năm tính từ ngày công chứng, mục đích vay để kinh doanh, lãi suất do hai bên thoả thuận miệng. Sau khi vay bà trả tiền lãi cho bà H 18.000.000 đồng/tháng, đã trả đến ngày 26/4/2023 sau đó không trả nữa. Nay bà H yêu cầu vợ chồng bà trả tiền gốc 500.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo quy định pháp luật thì bà chấp nhận nhưng số tiền vay của bà H là bà tự vay tự trả, không liên quan đến ông D chồng bà nên không chấp nhận bà H yêu cầu ông D trả. Đối với số tiền bà đã trả cho bà H trước đây từ 29/12/2020 đến ngày 26/4/2023 là 18.000.000 đồng/tháng là vượt quá quy định của pháp luật nên yêu cầu điều chỉnh lãi, sau khi điều chỉnh trừ vào tiền gốc, còn lại bao nhiêu tiền gốc bà trả cho bà H.

Tại phiên toà phúc thẩm, bà T khai nhưng không có chứng cứ để chứng minh số tiền trả lãi 18.000.000 đồng/tháng cho bà H và bà T không yêu cầu Toà án xem xét vấn đề này.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Cao Văn H1 trình bày:

Ông Cao Văn H1 và bà Lê Thị Bích H là vợ chồng, bà H và bà Nguyễn Thị Khánh T có sự quen biết với nhau, số tiền bà H cho bà T và ông Nguyễn D vay là tài sản riêng của bà H, việc vay mượn giữa bà H và vợ chồng bà T, ông D ông H1 hoàn toàn không biết. Nay bà H yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Quy Nhơn giải quyết buộc bà T và ông D trả cho bà H khoản tiền gốc còn nợ là 648.000.000 đồng và tiền lãi, ông H1 không có ý kiến gì. Ông H1 có đơn xin giải quyết, công khai chứng cứ, hoà giải, xét xử vắng mặt.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 105/2025/DS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là Toà án nhân dân khu vực 1 – Gia Lai) quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bích H.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị Khánh T và ông Nguyễn D phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Bích H 597.361.110 đồng, trong đó: 500.000.000 đồng tiền gốc và 97.361.110 đồng tiền lãi.

1.2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện các khoản vay từ đầu năm 2022 đến cuối tháng 4/2023, tổng cộng 148.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 22/4/2025 bà Nguyễn Thị Khánh T, ông Nguyễn D kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm; xác định khoản nợ vay giữa bà H và bà T là khoản nợ vay cá nhân của bà T và tuyên buộc bà T phải trả khoản nợ gốc và lãi theo quy định của pháp luật cho bà H.

Quyết định kháng nghị số: 01/QĐ-VKS-QN ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn (nay là Viện kiểm

sát nhân dân khu vực 1 – Gia Lai) kháng nghị một phần bản án dân sự sơ thẩm về việc buộc ông Nguyễn D phải có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn. Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Bình Định (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai) xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa Bản án dân sự sơ thẩm xác định ông Nguyễn D không có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Đề nghị: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Khánh T, ông Nguyễn D và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Gia Lai), sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng ông Nguyễn D không có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về thẩm quyền, thành phần người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng. Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Khánh T và ông Nguyễn D, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Gia Lai) hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Khánh T và ông Nguyễn D; kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Gia Lai), hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo lời trình bày của các đương sự tại cấp sơ thẩm đối với khoản vay tại Hợp đồng vay giữa bà Lê Thị Bích H và bà Nguyễn Thị Khánh T được lập tại phòng công chứng Trần Minh T1, số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 29/12/2020 là hợp đồng vay có kỳ hạn, có lãi được quy định tại Điều 470 Bộ luật Dân sự. Theo nội dung hợp đồng vay và tài liệu do nguyên đơn cung cấp thể hiện chỉ có bà Nguyễn Thị Khánh T xác lập hợp đồng vay tiền của bà Lê Thị Bích H. Tại phiên tòa, bà T thừa nhận khoản vay trong thời kỳ hôn nhân nhưng chỉ là khoản vay cá nhân của bà không liên quan đến chồng bà ông Nguyễn D. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án ông D không đến Tòa án nên không có bản khai để chứng minh việc có liên quan đến khoản vay; tại đơn kháng cáo bị đơn ông D cũng trình bày khoản nợ vay giữa vợ ông là bà Nguyễn Thị Khánh T và bà Lê Thị Bích H là khoản nợ vay cá nhân của bà T. Do đó việc bà H yêu cầu ông Nguyễn D phải có trách nhiệm cùng với bà Nguyễn Thị Khánh T trả nợ cho khoản vay cho bà là không phù hợp.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Khánh T, ông Nguyễn D và kháng nghị

của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Gia Lai). Sửa bản án sơ thẩm, buộc bà Nguyễn Thị Khánh T phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Bích H số tiền 597.361.110 đồng, trong đó: 500.000.000 đồng tiền gốc và 97.361.110 đồng tiền lãi.

[2] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Khánh T phải chịu 27.894.444 đồng án phí dân sự sơ thẩm; bà Lê Thị Bích H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí. Bà Nguyễn Thị Khánh T, ông Nguyễn D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn và chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Gia Lai). Sửa bản án dân sự sơ thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Khánh T, ông Nguyễn D và Quyết định kháng nghị số: 01/QĐ-VKS-QN ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Gia Lai). Sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 463, 466, 470, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Khánh T phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Bích H số tiền vay tổng cộng 597.361.110 đồng (Năm trăm chín mươi bảy triệu, ba trăm sáu mươi một nghìn, một trăm mười đồng); trong đó: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) tiền nợ gốc và 97.361.110 đồng (Chín mươi bảy triệu, ba trăm sáu mươi một nghìn, một trăm mười đồng) tiền nợ lãi.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Khánh T phải chịu

27.894.444 đồng (Hai mươi bảy triệu, tám trăm chín mươi tư nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng). Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Bích H 7.480.000 đồng (Bảy triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000807 ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1, tỉnh Gia Lai).

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Khánh T và ông Nguyễn D không phải chịu, hoàn lại cho bà T và ông D 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001556 ngày 05/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1, tỉnh Gia Lai).

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bá Nguyên

Nguyễn Thị Hoài Xuân

Ung Quang Định

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND Khu vực 1;
- Phòng THADS Khu vực 1;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ung Quang Định

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bá Nguyên

Nguyễn Thị Hoài Xuân

Ung Quang Định

